

UBND Xã Nam Cường

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày ... tháng ... năm

Kế hoạch Phòng, chống thiên tai

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo văn bản chỉ đạo số...ngày...tháng ...năm... của Tỉnh (Huyện)...

Nhằm chủ động trong công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của xã năm 2014, Ủy ban nhân dân xã xây dựng Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2014 như sau:

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong xã

1. Đặc điểm tự nhiên

Xã Nam Cường là xã nằm ở phía bắc huyện Chợ Đồn, cách trung tâm huyện 35 km, địa giới hành chính:

- Phía Bắc giáp xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể.
- Phía Đông giáp xã Hoàng Trĩ, huyện Ba Bể.
- Phía Nam giáp xã Đồng Lạc.
- Phía Tây giáp xã Xuân Lạc.

Xã Nam Cường nằm ở phía Bắc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn, có trục đường 254 chạy qua, có con suối bắt nguồn từ thôn Bản Cuôn, xã Ngọc Phái chảy ngược về Nam Cường qua hang Pác Chản rồi đổ ra Hồ Ba Bể, mỗi khi có mưa to kéo dài lũ đổ về gây ngập úng trên diện rộng, gây thiệt hại diện tích cây trồng và nhà cửa, tài sản của nhân dân.

Mưa to kéo dài có thể gây lũ quét ở các con suối nhỏ và gây sạt lở đất ở những nơi có tả luy cao, ngập úng ở vùng thấp.

Là xã nằm trong khu vực có địa hình tương đối phức tạp, có vùng đồi, núi đá cao độ dốc lớn, địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích. Xã có diện tích đất soi

bãi do phù sa bồi lắng rất màu mỡ phù hợp với các loại cây lương thực và cây màu, tuy nhiên diện tích này thường xuyên bị ngập úng vào mùa mưa.

Khí hậu xã Nam Cường chịu ảnh hưởng khí hậu nhiệt đới gió mùa đặc trưng của khu vực miền núi Đông bắc bộ. Mùa đông khô và lạnh, mùa hè nóng ẩm và mưa nhiều.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 5 đến tháng 10, mưa nhiều vào tháng 6 đến tháng 8 gây ngập úng lâu ngày ở vùng đất trồng lúa và đất soi bãi. Lượng mưa trung bình năm là 1.700 mm.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng

2.1. Tình hình dân cư

Toàn xã có 5 dân tộc anh em gồm :

- Dân tộc Tày 454 hộ =60%
- Dân tộc Dao 193 hộ =25%
- Dân tộc Kinh 66 hộ =8,7%
- Dân tộc H'Mông =5,7%
- Dân tộc Nùng =0,6%

Xã có 11 thôn và phân bố dân cư như sau:

Phân bố dân cư

TT	Thôn	Số hộ	Số khẩu	Số hộ nghèo	Đối tượng dễ bị tổn thương			
					Người cao tuổi	Trẻ em	NKT	Phụ nữ
1	Nà Lành	44	191	1	6	54	2	90
2	Nà Liên	63	245	4	29	53	4	121
3	Nà Mèo	85	343	6	32	66	4	171
4	Bản Mới	73	300	3	32	78	3	157
5	Cốc Lùng	73	321	1	27	77	4	165

6	Phiêng Cà	82	347	6	35	97	3	177
7	Cồn Poông	72	282	7	28	77	6	137
8	Bản Cháy	76	351	4	34	86	3	178
9	Bản quá	62	298	5	22	89	6	153
10	Bản Lồm	93	433	17	35	122	8	203
11	Lũng Noong	37	219	21	5	91		114
	Cộng	760	3330	75	285	890	43	1666

2.2. Đất đai:

Tổng diện tích đất tự nhiên 3.235 Trong đó:

- Đất trồng lúa nước 244,17 ha
- Đất trồng cây lâu năm: 32,24 ha
- Đất nuôi trồng thủy sản 14,92 ha
- Đất rừng 352,16 ha
- Đất thổ cư: 25,49 ha

3. Ngành nghề chính/Nguồn thu nhập

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Diện tích/quy mô	% hộ tham gia	Thu nhập trung bình (người/năm)
	Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu - Cây công nghiệp	178,96 ha 12,18 ha		
	Sản xuất lâm nghiệp			
	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp			
	Buôn bán nhỏ và tiểu thương		40 hộ	

	Nuôi trồng thủy sản	5 ha		
	Dịch vụ		25 hộ	
	Nghề khác			

Thu nhập bình quân của người dân trên địa bàn xã là hơn 6 triệu đồng/người/năm

3.1 Nhà ở dân cư

Theo tiêu chí mới thì nhà ở dân cư hiện có 20,1 % đạt theo tiêu chuẩn của Bộ xây dựng, số còn lại đều không đạt chuẩn của bộ xây dựng,

3.2 Công trình công cộng

3.2.1 Trụ sở Hội đồng nhân dân – UBND xã

Trụ sở HĐND - UBND xã được đầu tư xây mới năm 2013 ,có phòng làm việc, 1 hội trường đủ chỗ cho 50 người họp; có hệ thống nhà vệ sinh tốt

3.2.2. Trường học

Xã có 3 hệ thống trường

- Trường THCS có 12 giáo viên (nam 4; nữ 8)
 - 2 cán bộ quản lý (1 nam; 1 nữ)
 - 2 nhân viên (1 nam; 1 nữ)
 - 163 học sinh (nam 91; 72 nữ)
 - Có 04 phòng ở nội trú cho học sinh đã kiên cố nhưng không có nhà vệ sinh, bể nước, nhà tắm
 - Trường có tủ thuốc sơ cấp cứu, có 1 y sỹ
 - Có 12 phòng học và 5 phòng làm việc đều là nhà cấp 4 lợp tấm fibroximang đã xuống cấp
 - Có 20 học sinh thôn Lũng noong và Bản Lôm phải vượt qua vùng lũ đến trường
- Trường Tiểu học có 22 giáo viên (nam 3 ; nữ 19)
 - 2 cán bộ quản lý 2 nữ)
 - 2 nhân viên (1 nam; 3 nữ)
 - 01 điểm trường chính và 3 điểm phụ
 - Tổng số học sinh: 240 học sinh (nam 114; nữ 126)
 - Có 11 phòng học đều là nhà cấp 4 lợp tấm fibroximang đã xuống cấp

- Trường có 15 học sinh thôn Bản Quá phải vượt qua vùng lũ đến trường
- Có 11 phòng học đều là nhà cấp 4 lợp tấm fibroximang đã xuống cấp
- Trường có 15 học sinh thôn Bản Quá phải vượt qua vùng lũ đến trường
- Trường mầm non: có 16 giáo viên (nữ 16)
- 3 cán bộ quản lý (3 nữ)
- 4 nhân viên (1 nam; 3 nữ)
- 04 điểm trường chính và 4 điểm phụ
- Tổng số trẻ : 239 học sinh (nam 115; nữ 126)
- Có 2 phòng học nhà cấp 4 mới xây dựng, Ngoài 2 phòng học mới xây dựng ở Bản Nà Mèo còn lại đều học nhờ nhà dân hoặc nhà hạp thôn

3.2.3. Y tế

Xã có 01 trạm y tế với diện tích khuôn viên khoảng 1.700 m², trạm y tế xây dựng đạt chuẩn quốc gia với nhà 2 tầng, 12 phòng, có giường bệnh nội trú. Tuy nhiên một số hạng mục chưa được đầu tư xây dựng đồng bộ như nhà để xe, lò xử lý rác thải, vườn thuốc nam ..về trang thiết bị khám chữa bệnh của trạm còn hạn chế, nhưng nhìn chung công tác hoạt động y tế bảo vệ sức khỏe trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực.

Cán bộ y tế thôn: 11/11 thôn

3.2.4. Công trình văn hóa.

Hiện tại trên địa bàn có 11/11 thôn có nhà hạp thôn tuy nhiên tất cả đều được xây dựng có kết cấu bằng gỗ tạp sử dụng tạm thời, diện tích nhỏ hẹp chưa đáp ứng được yêu cầu sử dụng. Xã chưa có Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao. Chưa có sân thể thao, các hoạt động thể thao chủ yếu nhờ sân trường học

3.2.5. Chợ:

Chợ Nam Cường được xây dựng theo tiêu chuẩn mới, cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của người dân trên địa bàn xã với diện tích đất khoảng 0,4 ha, diện tích nhà hạp chợ hơn 900 m².

3.2.6. Bưu điện.

Xã Nam Cường đã có điểm bưu điện văn hóa đang hoạt động, nhà bưu điện văn hoá là nhà cấp 4 với diện tích sử dụng khoảng 40 m² trong khuôn viên khoảng 200 m² được xây dựng đã lâu, hiện nay đã xuống cấp. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ còn thiếu thốn, đã có điểm truy cập Internet cho cộng đồng

4. Hạ tầng kỹ thuật và môi trường

4.1. Giao thông

- **Đường tỉnh, huyện:** có đường tỉnh lộ 254 đi qua địa phận xã, đoạn nằm trên địa bàn xã có chiều dài khoảng 4,4 km, kết cấu đường nhựa, lộ giới 3,5m. đã xuống cấp

- **Đường xã đến thôn bản (Đường liên thôn):** có 01 tuyến với tổng chiều dài 11.000 m, trong đó: cứng hoá bê tông 700 m.

- **Đường ngõ xóm:** với tổng chiều dài 12.000 m, trong đó được cứng hoá khoảng 1.200 m, đạt 10 %. Tuy nhiên tỷ lệ được cứng hoá chưa đạt tiêu chuẩn, lộ giới trung bình chỉ khoảng 1,5 m. Còn lại là đường đất

- **Đường sản xuất (Nội đồng):** 15.000 m, trong đó 100% là đường đất.

- Hệ thống giao thông thôn xóm, đường nội đồng hầu hết là đường đất có bề rộng trung bình dưới 1,5 m, chất lượng đường xấu, mùa mưa trở nên lầy lội, sỏi lở. Cơ bản chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng phục vụ sản xuất và chỉ tiêu chất lượng theo tiêu chí nông thôn mới.

4.2. Thủy lợi

Đa số các công trình thủy lợi được kiên cố một số tuyến vẫn mang tính chất tạm thời chưa được kiên cố hoá cần xây dựng và mở rộng thêm.

Trong đó có 02 tuyến kênh chính cung cấp cho phần lớn diện tích sản xuất lúa của cả xã nhưng hiện đã xuống cấp rò rỉ, sạt lở không đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tưới tiêu. Hệ thống kênh nội đồng đã được xây dựng mới nhưng chưa đồng bộ, đầy đủ. Hiện trạng hệ thống kênh muong cơ bản chưa đáp ứng cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và dân sinh trên địa bàn xã.

4.3. Điện

Hiện nay, hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện đạt yêu cầu của tiêu chí nông thôn mới, tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt 98,6 % tổng số hộ trong xã. Ngoài ra, điện phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng được quan tâm đầu tư phục vụ chuyển đổi cơ cấu sản xuất cho bà con nông dân

4.4. Cấp thoát nước và môi trường.

- **Cấp nước:** nguồn cấp nước sinh hoạt cho dân cư của xã hiện nay đang sử dụng là nguồn nước ngầm, nước nguồn tự nhiên. Các hộ dân tự khai thác tại hộ gia đình bằng cách dẫn nước từ các nguồn, đào giếng, các giếng khoan, Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia 52% số hộ

- **Thoát nước:** trên địa bàn xã hầu như chưa có hệ thống thoát nước. Nước mưa và nước thải sinh hoạt chưa được thu gom, chảy tràn, tự thấm và xả ra các khu vực trũng chảy ra kênh rạch.

5. Hệ thống chính trị

4.1. Hệ thống chính trị của xã

UBND xã thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo mô hình một cửa khá nề nếp, trình độ cán bộ công chức không ngừng được nâng cao.

Trình độ cán bộ, công chức của xã chưa đạt chuẩn theo quy định, trong thời gian tới sẽ tập trung đẩy mạnh hơn nữa công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức xã.

4.2. Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn:

Tình hình an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trên địa bàn khá ổn định, trong năm 2012 trên địa bàn xã không xảy ra trọng án và tình trạng khiếu kiện đông người, biểu tình bạo loạn.

5. Công tác phòng, chống thiên tai trong thời gian qua

Hàng năm xây dựng kế hoạch thực hiện, kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống lụt bão TKCN. Thành phần Ban Chỉ huy gồm các ông, bà là cán bộ UBND xã, trưởng các ban ngành, đoàn thể, các trưởng thôn (28 người). Trưởng ban là Phó chủ tịch UBND xã. Có sự phân công các thành viên Ban chỉ huy phụ trách các thôn, phân công nhiệm vụ cụ thể các tổ chức đoàn thể.

Kế hoạch phòng, chống thiên tai và TKCN hàng năm được xây dựng căn cứ tình hình thực tế địa phương dự kiến các tình huống có thể xảy ra đồng thời đưa ra các phương án xử lý tình huống cụ thể. Khi có tình huống xảy ra thực hiện xử lý tình huống theo phương châm bốn tại chỗ.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phòng chống thiên tai: Ban chỉ huy PCLB – TKCN xã có 2 xưởng máy sử dụng trong trường hợp mưa lũ, ngập úng lớn, các phương tiện vật chất khác như áo phao, phao cứu sinh, các loại biển báo đồng thời có kế hoạch huy động các phương tiện như máy xúc, ô tô của nhân dân khi cần thiết.

II. Tổng hợp phân tích tình hình

1. Tình hình thiên tai

Các loại hình thiên tai đã xảy ra ở nam Cường là hạn hán, rét hại, sạt lở đất, lốc xoáy, sét và điển hình nhất là ngập úng. Hầu như năm nào cũng xảy ra ngập úng, rét hại, hạn hán

Tháng 8 năm 2006 mưa kéo dài 3 ngày, nước dâng cao 12 m. Đường bị ngập 4km; mất trắng 100 ha lúa, 40ha ngô, làm ngập 25 nhà, làm sập, trôi 3 nhà; hầu hết cá trong các ao nuôi bị mất

Tháng 9 năm 2014 mưa lớn kéo dài 2 ngày, nước dâng cao 8 m Đường 254 đi Lũng Noong bị ngập 1 km; mất 86,8 ha lúa; 30,7 ha ngô

Năm 2007-2008 rét hại kéo dài 3 tháng làm chết 20 con trâu, bò, 100% diện tích hoa màu bị giảm năng suất, mạ bị chết học sinh phải nghỉ học nhiều ngày

Tháng 1/2011 rét hại làm chết 13 con trâu; 10 con bò; 0,7 ha mạ ; học sinh phải nghỉ học 1 tuần cũng như ngập úng, rét hại, tình hình hạn hán trong những năm gần đây đã gia tăng đáng kể về cả tần suất và thời gian kéo dài

Tác động chính của thiên tai đến cộng đồng trong quá khứ chủ yếu là gây thiệt hại về tài sản, hoa màu, gia súc, gia cầm, các dịch vụ công, cơ sở hạ tầng. Những thiệt hại về người trong những năm gần đây gần như không có mặc dù thiên tai lớn xảy ra nhiều hơn nhờ có sự chủ động phòng tránh chủ yếu là chủ động sơ tán và sơ tán triệt để khỏi nơi có nguy cơ cao và kinh nghiệm phòng tránh của người dân với những phương tiện tại chỗ như bè mảng, dùng tre, chuối cây còn bè khi thiên tai

xảy ra. Tuy nhiên những thiệt hại về tài sản, lúa và hoa màu, cơ sở hạ tầng do ngập lụt gia tăng hơn trước do các yếu tố chịu rủi ro và tình trạng dễ bị tổn thương tăng và khả năng tiêu thoát nước mỗi ngày một kém do khe Pắc Chán ngậm qua núi không được nạo vét, thường bị ách tắc do người dân không vệ sinh đồng ruộng, vứt rơm rạ bừa bãi

Xu thế của hiểm họa tự nhiên trong những năm gần đây có những thay đổi đáng kể về tần suất, cường độ, phạm vi, cụ thể như sau:

(Chi tiết về tình hình thiên tai tham khảo bảng lịch sử thiên tai kèm theo)

2. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương

Qua đánh giá ở các cụm thôn, tình trạng dễ bị tổn thương ở các thôn tuy có khác nhau về mức độ nhưng có những điểm chung như sau:

Các yếu tố DBTT ở địa phương chủ yếu là:

- Người: bao gồm các đối tượng thuộc nhóm DBTT, các đối tượng sinh sống nơi dễ xảy ra lũ quét, sạt lở đất ở ven các suối, đồi núi; nhóm cộng đồng có nhận thức thấp, chủ quan, các đối tượng phải vượt suối trên bè mảng vào thời gian lũ, ngập lụt để thực hiện nhiệm vụ PCTT, hoạt động dân sinh thiết yếu, học sinh đi học

- Lúa, hoa màu, cây trồng, gia súc bị thiệt hại do ở ven suối, mùa vụ trùng vào mùa thiên tai. Thiếu kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ gia súc gia cầm, do phong tục tập quán trong việc chăn thả, chuồng trại không hợp vệ sinh, không che chắn, thiếu thức ăn cho gia súc vào thời kỳ rét hại

- Cơ sở hạ tầng, nhà dân do ở vùng thiên tai thường xảy ra, nhà ở yếu kém, tạm bợ.

Tình trạng DBTT chủ yếu là do đặc điểm địa lý, địa hình, tập quán sinh sống và thói quen canh tác, nhận thức của người dân, cơ sở hạ tầng yếu kém đặc biệt quan trọng là hệ thống tiêu thoát nước kém do khe hang Bắc Chán bị bồi lấp, bị tắc khi có ngập lụt

Các tình trạng DBTT

- Nhận thức của cộng đồng về rủi ro thiên tai và BĐKH còn hạn chế: Người dân chưa hiểu hoặc hiểu rất hạn chế về thiên tai, người dân còn chủ quan trước thiên tai, ý thức của một bộ phận cộng đồng trong phòng tránh thiên tai chưa cao, không tuân thủ nghiêm các quy định sơ tán, di dời khi thiên tai xảy ra.
- Hệ thống thông tin liên lạc, cảnh báo chưa có hoặc còn thiếu nghiêm trọng, địa bàn rộng, các khu dân cư, các nhà dân ở cách nhau quá xa nên việc cảnh báo không kịp thời, thiếu hiệu quả, kém phát huy khi có thiên tai xảy ra, đặc biệt là các thôn vùng sâu của xã, khi thiên tai xảy ra
- Tất cả các thôn hàng năm chưa xây dựng được kế hoạch phòng chống lụt bão, chưa có phương án sơ tán, Việc thực hiện phương châm 4 tại chỗ còn hạn chế ở các hộ và các thôn, xã, chưa lồng ghép kế hoạch giảm nhẹ rủi ro thiên tai, thích ứng với BĐKH vào kế hoạch phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.
- Công tác cứu hộ, tìm kiếm, cứu nạn và sơ cấp cứu: Nhiều thôn chưa hoạt động, thiếu phương tiện thực thi công việc, thiếu kỹ năng
- Cơ sở hạ tầng của xã còn thiếu thốn, đường giao thông giữa các thôn bị cách trở nên sự giao lưu, trao đổi khó khăn đặc biệt là khi có lũ lụt xảy ra, hầu như các thôn bị chia cắt, việc đi lại ngưng trệ hoặc phải bằng mảng. Điều này cũng làm cho các em phải nghỉ học hoặc phải tới trường trong điều kiện cực kỳ nguy hiểm
- Nhóm người dễ bị tổn thương ở xã cao
 - Hiện tượng ô nhiễm môi trường ở các thôn đã và đang có chiều hướng gia tăng do thiếu nhà vệ sinh hoặc nhà vệ sinh không đạt tiêu chuẩn, chuồng trại không hợp vệ sinh, các chất thải, rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình đều thải trực tiếp vào sông, suối

Các yếu tố dễ bị tổn thương

STT	Tên mục	Đơn vị				Ghi chú
			Tổng	nam	Nữ	
I	Con người					
1	Trẻ em	Người	890	478	412	

2	Người già	Người	285	114	171	
3	Người khuyết tật	Người	43	27	16	
4	Phụ nữ đang mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người	17		17	
6	Số người nghèo	Người	385	190	185	
7	Người bị bệnh hiểm nghèo	Người				
8	Số người phải sơ tán, di dời trước thiên tai	Người	850	432	418	
II	Cơ sở hạ tầng					
1	Nhà tạm, dễ sập	Cái	22			
2	Nhà ven suối	Cái	150			
3	Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc	Cái	62			
III	Sản xuất					
1	Vùng dễ bị ngập lụt	ha	120h a			
2	Vùng dễ bị hạn hán	ha	45ha			

3. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó của cộng đồng

Trong thời gian qua với ý thức cao của người dân cộng với công tác vận động của chính quyền các cấp được thực hiện thường xuyên trong công tác chủ động phòng chống thiên tai về lâu dài cần có quy hoạch, kế hoạch nâng cấp các tuyến công, đập trở nên kiên cố, đường giao thông nông thôn và những giải pháp phi công trình để nâng cao nhận thức cộng đồng cũng như việc xây dựng quy chế trách nhiệm trong việc chủ động ở từng hộ gia đình trong phòng chống, giảm nhẹ thiên tai thiết thực, hiệu quả, bền vững.

Bảng 5. Nguồn lực

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn xã	Ghi chú
<i>I</i>	<i>Con người</i>			
1	Ban chỉ huy các cấp Thành phần: Nam 26 Nữ 3	Người	29	
2	Lực lượng cơ động Thành phần: Nam 25 Nữ 3	Người	28	
3	Lực lượng thanh niên xung kích Thành phần: Nam 11	Người	11	
4	Lực lượng dự bị động viên Thành phần: Nam 82	Người	82	
5	Lực lượng dân quân Thành phần: Nữ 8 Nam 40	Người	48	
6	Lực lượng cứu hộ cứu nạn Thành phần:	Người	0	
7	Lực lượng y tế Nam 3 Nu 13	Người	16	
<i>II</i>	<i>Cơ sở hạ tầng</i>			

1	Đường bê tông, đường di tản an toàn	Km	Đường nhựa , đường bê tông 4 km	
2	Nhà kiên cố là nơi trú ẩn an toàn	Cái	-Nhà dân 18 -Công sở và trạm y tế 2 nhà	Đủ chỗ cho 150 người
III	<i>Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hậu cần</i>			
1	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn			
	<i>Ô tô</i>	Cái	21	
	<i>Thuyền máy</i>	Cái	3	
	<i>Thuyền cứu hộ</i>	Cái	0	
	<i>Áo phao</i>	Cái	20	
	<i>Phao cứu sinh</i>	Cái	30	
2	Hệ thống thông tin liên lạc			
	<i>Trạm phát thanh</i>	Trạm	1	Đã hỏng không hoạt động
	<i>Loa phóng thanh</i>	Cái	0	9/11 thôn đã được trang bị nhưng đều hỏng
	<i>Điện thoại</i>	Cái	760	
3	Vật tư dự trữ			Chủ yếu là các hộ dân và các nguyên vật liệu tại chỗ sẵn có
	<i>Tre, nứa...</i>	Cây	0	
	<i>Bao tải cát, rọ thép</i>	Cái	0	

	<i>Bạt</i>	Cái	0	
	<i>Dây buộc</i>	Cuộn	0	
	<i>Cát, đá, sỏi</i>	Tấn	0	
4	Lương thực, thực phẩm dự trữ			
	<i>Gạo</i>	Kg	0	
	<i>Nước uống</i>	Lít	0	
	<i>Mì tôm</i>	Thùng	0	
5	Dụng cụ y tế			
	<i>Thuốc dự phòng PCTT</i>	Cơ số	2	
	Cáng cứng	„	1	
	Cáng mềm	„	1	
	Nẹp cố định	bộ	4	

4. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng – mối quan tâm của người dân

Các rủi ro thiên tai tại địa phương chủ yếu là do các loại hình thiên tai: Ngập lụt, sạt lở đất, rét hại, hạn hán, sét, lốc xoáy gây ra

Qua kết quả đánh giá những ảnh hưởng của các loại hình thiên tai trên, người dân đã xác định có các rủi ro chính sau đây

1. Người bị thương, bị chết khi có thiên tai
2. Giao thông bị ách
3. Nhà bị ngập, đổ, bị hư hỏng
4. Thiệt hại về lúa, màu, cây trồng
5. Môi trường bị ô nhiễm
6. Gia súc, gia cầm, cá bị chết, bị mất
7. Học sinh phải nghỉ học
8. Phụ nữ chịu sức ép nặng hơn trong cuộc sống sau thiên tai

Căn cứ vào các tiêu chí lựa chọn rủi ro thiên tai:

- Mức độ nguy hiểm của loại thiên tai gây ra rủi ro

- Phạm vi thiên tai ảnh hưởng đến rủi ro
- Mức độ rủi ro trước thiên tai

Người dân đã thống nhất lựa chọn các rủi ro cần được ưu tiên giải quyết như sau:
tai

1. Thiệt hại về người
2. Lúa, màu bị mất, giảm năng suất
3. Nhà bị ngập, đổ, bị hư hỏng
4. Môi trường bị ô nhiễm

5. Phân tích rủi ro - Lựa chọn giải pháp

Hội nghị đã phân tích nguyên nhân gây ra các rủi ro và đã đưa ra các giải pháp sau:

1. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cho cộng đồng về thiên tai, bảo vệ môi trường
2. Tập bơi cho đối tượng dễ bị tổn thương
3. Di dời và sơ tán các hộ vùng nguy cơ cao
4. Trang bị phương tiện PCTT cho địa phương
5. Trồng và bảo vệ rừng
6. Chuyển đổi giống cây trồng phù hợp
7. Tu bổ, sửa chữa, nâng cấp, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy
8. Thông tin cảnh báo kịp thời
9. Thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”

Căn cứ vào các tiêu chí sau:

- Tính cấp thiết
- Tính khả thi
- Số người được hưởng lợi
- Đối tượng được hưởng lợi
- Phù hợp nhu cầu cộng đồng.
- Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của địa phương

Cộng đồng đã thống nhất đề xuất ưu tiên các giải pháp sau:

1. Nâng cao nhận thức cho cộng đồng về Quản lý rủi ro thiên tai
2. Nâng cấp, sửa chữa, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy
3. Trồng và bảo vệ rừng
4. Chuyên đổi giống cây trồng

III. Mục tiêu của bản kế hoạch

1. Mục tiêu chung:

Giảm thiệt hại về người, tài sản, nhà cửa, hoa màu, cơ sở hạ tầng do thiên tai gây ra

2. Các mục tiêu cụ thể:

- Đảm bảo an toàn về người khi có thiên tai xảy ra.
- Thực hiện tốt phương châm “4 tại chỗ”
- Đảm bảo công tác thông tin liên lạc thông suốt trong mọi trường hợp khi có thiên tai.
- Tổ chức ứng phó kịp thời hiệu quả.
- Đảm bảo công tác an ninh trật tự trên địa bàn xã và nơi người dân sơ tán đến.
- Đảm bảo tốt công tác cảnh báo, cảnh giới.
- Nâng cao được nhận thức về QLRRTT cho 100% cán bộ xã, thôn và 10% các hộ dân vùng nguy cơ cao.

IV. Các hoạt động phòng ngừa, ứng phó, khắc phục thiên tai

1. Tuyên truyền kiến thức về thiên tai, phòng chống thiên tai, Luật Phòng chống thiên tai và kế hoạch PCTT của xã 1 lần/ tháng.
2. Tập huấn kiến thức về quản lý rủi ro thiên tai DVCD cho 2 lớp với thời gian 1 ngày/ lớp.
3. Diễn tập PCTT trong 1 ngày
4. Cắm biển cảnh báo ở nơi nguy cơ cao và xây dựng hệ thống cảnh báo dựa vào cộng đồng
Củng cố, sửa chữa hệ thống truyền thanh toàn xã
5. Quản lý và bảo vệ rừng.
6. Trồng thêm ha rừng theo dự án và dân tự trồng ha

7. Thường xuyên nạo vét và sửa chữa, xây mới kênh mương, khơi thông dòng chảy
8. Di dời các hộ sống ở nơi có nguy cơ rủi ro cao đến nơi an toàn.
9. Xây dựng phương án và chủ động tổ chức sơ tán cho người già, trẻ em, phụ nữ mang thai ... đến nơi an toàn khi có thiên tai xảy ra
10. Gia cố chằng chống các công trình, nhà cửa kho tàng, trạm y tế, trường học.
11. Chuyển đổi các giống cây trồng cho phù hợp
12. Tập huấn về kỹ thuật và kỹ năng trồng trọt, chăm sóc, bảo vệ cây, con, giống.
13. Tìm kiếm, cứu nạn, cứu trợ khi có thiên tai.
14. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc công tác PCTT và 4 tại chỗ. Khi cần có thể thực hiện được ngay phương châm 4 tại chỗ.
15. Tập bơi cho cộng đồng trong vùng. Đặc biệt là trẻ em và phụ nữ.
16. Tập huấn kiến thức và kỹ năng về TKCN và sơ cấp cứu (3ngày x 20người).
17. Củng cố, kiện toàn BCH PCTT-TKCN, đội thanh niên xung kích và phản ứng nhanh.
18. Mua sắm trang thiết bị bảo hộ.
19. Tăng cường công tác đảm bảo an ninh trật tự khi có thiên tai.
20. Củng cố hệ thống thông tin liên lạc.
21. Phân công giao liên, liên lạc khi thông tin đã bị tê liệt.
22. Tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm và sau mỗi lần có thiên tai xảy ra
23. Đánh giá thiệt hại và nhu cầu.
24. Báo cáo.
25. Kiến nghị hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;
26. Kiến nghị hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để phục hồi sản xuất;
27. Tổ chức vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động

của thiên tai;

28. Lập kế hoạch và đề xuất sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế và công trình hạ tầng công cộng.

IV. Tổ chức thực hiện

1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Phương châm chỉ đạo đề phòng là chính:

Khi đến mùa mưa bão xảy ra BCH PCTT thường xuyên kiểm tra những nơi có nguy cơ lũ quét, sạt lở có thể xảy ra, kịp thời tuyên truyền vận động nhân dân kịp thời sơ tán đến những nơi an toàn.

Vận dụng tốt phương châm bốn tại chỗ

Bảng 1: PHÂN CÔNG PHỤ TRÁCH (Thành viên BCH PCTT)

STT	Thành viên BCH PCLB&TKCN	Địa bàn phụ trách	Số điện thoại
1	Ông: Lâm Hoàng Huy	Trưởng ban	0985.966.838
2	Ông: Hoàng Đức Thụ	Phó ban Thường trực, phụ trách thôn Lũng Noong	01653.971.799
3	Ông: Mã Đức Thắng	Phụ trách TKCN	0979.009.230
4	Ông: Mã Đức Huyền	Đảm bảo văn bản thông tin liên lạc, phụ trách máy móc	01688.643.667
5	Bà: Nông Thị Xoa	Tổng hợp báo cáo, mua sắm tư trang cần thiết	0973.240.992
6	Ông: Ma Thế Ty	Đảm bảo công tác an ninh	0988.347.655
7	Ông: Trương Văn Hợi	Phụ trách điều khiển xuống	0973.508.086
8	Ông: Hoàng Hữu Pao	Thôn Nà Linh	01684.220.231
9	Bà: Triệu Thị Tiêu	Thôn Nà Liên	01656.907.601
10	Bà: Mai Thị Điềm	Thôn Nà Mèo	01659.320.814
11	Ông: Long Văn Sự	Thôn Bản Mới	0943.237.721

12	Ông: Hoàng Văn Bình	Thôn Cốc Lùng	01688.694.829
13	Ông: Trần Ngọc Vàng	Thôn Phiêng Cà	01688.221.070
14	Ông: Nguyễn Tiến Xoài	Thôn Cọn Poỏng	0989.427.622
15	Ông: Hoàng Văn Biên	Thôn Bản Cháy	01697.104.403
16	Ông: Hoàng Văn Tương	Thôn Bản Quá	01673.546.083
17	Ông: La Tiến Phóng	Thôn Bản Lôm	0985.922.547
18	Ông: Mã Thế Nghĩa	Phụ trách cấp cứu	0982.449.228
19	11 Ông, Bà	Phụ trách tại thôn	

Khi có tình huống xảy ra các thành viên phải có mặt tại địa bàn được phân công phụ trách phối hợp cùng các tổ chức trong địa bàn phụ trách giải quyết kịp thời các tình huống xảy ra và báo cáo nhanh những thiệt hại tại địa bàn về BCH bằng đường điện thoại hoặc bằng các phương tiện khác.

BCH phân công trực 24/24 giờ. Thời gian từ ngày 05/5/2014 đến ngày 31/10/2014. Khi có bão, lũ, lốc xảy ra sẵn sàng ứng phó, xử lý kịp thời, báo cáo BCH PCLB&TKCN cấp trên.

2. Phân công cụ thể các ban ngành:

- Kế toán ngân sách: Xây dựng kế hoạch cân đối ngân sách phục vụ cho công tác PCLB&TKCN.
- Địa chính nông lâm: Phối hợp cùng các địa bàn kiểm tra, tổng hợp thiệt hại về diện tích hoa màu bị thiệt hại báo cáo về BCH.
- Địa chính xây dựng: Kiểm tra các công trình bị thiệt hại, cấm biển báo ở những nơi cấm, nơi nguy hiểm.
- Công an, quân sự: Xây dựng kế hoạch bảo vệ an ninh trật tự, sẵn sàng huy động lực lượng ứng cứu.
- Trạm y tế: Chuẩn bị cơ sở thuốc cấp cứu cho người bị nạn và phòng khi có dịch bệnh xảy ra.
- Văn hoá xã hội: Chuẩn bị phương án, nắm các đối tượng chính sách và các hộ gia đình bị thiệt hại nặng đề nghị cấp trên hỗ trợ.
- Hội nông dân: Cung ứng giống, phân bón khắc phục hậu quả sau lũ.

- Các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức tập trung làm tốt công tác phòng chống lụt bão, khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.
- Ngoài các nhiệm vụ cụ thể trên các thành viên thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của trưởng ban chỉ huy PCLB&TKCN

3. Công tác đảm bảo

3.1. Bảo đảm về thông tin liên lạc:

Phải đảm bảo thông tin thông suốt từ xã lên huyện và từ xã xuống các thôn bản bằng điện thoại hoặc bằng chạy bộ, xe máy, xuồng, bè, mảng...

3.2. Bảo đảm phương tiện:

Trước mùa mưa bão BCH PCLB&TKCN chỉ đạo cán bộ phụ trách sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thuyền xuồng khi có tình huống xảy ra có thể vận hành được ngay.

Khi đường giao thông bị ngập úng kéo dài, không đi lại bằng đường bộ. BCH chủ động liên hệ với đội vận tải xuồng Ba Bể xây dựng kế hoạch phối hợp để vận chuyển nhân dân đi lại khi cần thiết, đặc biệt là học sinh đi học hoặc sử dụng hai xuồng máy hiện có để đáp ứng nhu cầu đi lại khi cần thiết.

Khi cần thiết có thể huy động thêm các phương tiện của nhân dân: Máy xúc, ô tô...

3.3. Bảo đảm đời sống vật chất:

Các trưởng thôn thông báo cho nhân dân chủ động chuẩn bị dự trữ lương thực thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt trong thời gian xảy ra mưa bão.

3.4. Bảo đảm kinh phí, tư trang phục vụ công tác PCLB&TKCN:

Để đảm bảo cho công tác phòng chống lụt bão và TKCN, BCH PCLB&TKCN dự kiến kinh phí hoạt động và các tư trang cần thiết như sau:

- Quần áo mưa, đèn pin, ủng BCH + Lãnh đạo ĐU, HĐND, UBND chỉ đạo công tác PCLB&TKCN:
- Quần áo mưa: 34 bộ x 240.000 đồng = 8.160.000 đồng
- Đèn pin: 34 bộ x 40.000 đồng = 1.360.000 đồng

- Ủng: 34 đôi x 90.000 đồng = 3.060.000 đồng
- Mỡ tra máy: 01 hộp x 70.000 đồng = 70.000 đồng
- Dầu bôi trơn động cơ: 6 lít x 40.000 đồng = 240.000 đồng
- Dầu Diezen chạy xuống máy: 40 lít x 25.000 đồng = 1.000.000 đồng
- Xăng chạy máy phát điện: 10 lít x 26.000 đồng = 260.000 đồng
- Kinh phí vận chuyển nhân dân đi lại khi cần thiết = 10.000.000 đồng
- Kinh phí hoạt động hỗ trợ dân quân, công an, thợ máy khi làm nhiệm vụ:
- 10 người x 100.000 đồng/ngày x 10 ngày = 10.000.000 đồng
- Kinh phí bảo dưỡng 02 xuống máy: 300.000 đồng
- Trục chi huy + Chi khác: 5.000.000 đồng

Tổng cộng: 39.450.000 đồng

Số tiền viết bằng chữ: (Ba mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

4. Quy định các khu vực sơ tán:

- 4.1. Thôn Nà Linh: Chuyển lên Nà Cáy
- 4.2. Thôn Nà Liền: Chuyển lên Thôn Luông
- 4.3. Thôn Nà Mèo: Chuyển lên Nà Bản
- 4.4. Thôn Bản Mới: Chuyển lên Trường THCS
- 4.5. Thôn Cốc Lùng: Chuyển lên Trường Tiểu học
- 4.6. Thôn Cọn Poông: Chuyển lên Kéo Phường
- 4.7. Thôn Bản Cháy: Chuyển lên các gò đồi cao

5. Xây dựng tiến độ thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá

(Có bản kế hoạch hành động cụ thể kèm theo)

Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc sau đây:

- Cung cấp cho địa phương một số phương tiện cần thiết :
 - Xuồng máy thêm 2 cái
 - Áo phao cho học sinh thường xuyên phải vượt suối trong thời gian lũ để đến trường: 50 cái
 - Xây dựng nhà tiêu, giếng nước, nhà tắm cho nhà nội trú của học sinh THCS

- Máy phát điện 6 KW 01 cái
- Xây mới trường THCS, tiểu học, mầm non đảm bảo để các em có chỗ học an toàn, ổn định
- Đào tạo cho trạm y tế xã một kỹ thuật viên sử dụng các trang thiết bị y tế hiện có như máy siêu âm, máy xét nghiệm, ...
- Sớm có phương án lâu dài, bền vững cho công tác tiêu thoát lũ cho địa phương trên cơ sở hợp tác và cùng có lợi

Trên đây là kế hoạch phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Ban chỉ huy PCLB&TKCN xã Nam Cường. Yêu cầu các thành viên phối hợp chặt chẽ với các thôn có kế hoạch phòng tránh nhằm giảm nhẹ mức thấp nhất do thiên tai gây ra.

Nơi nhận :

UBND Xã Nam Cường

- *BCHPCLB huyện (b/c);*
- *TT. ĐU, HDND (b/c);*
- *Các Thành viên BCD;*
- *Các thôn bản, ban ngành;*
- *Lưu VP.*